TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**
Số: 168/2019/QĐST - HNGĐ	*Quảng Xương, ngày 09 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1987

2. Chị Trần Thị Q, sinh năm: 1990

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã p, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị P, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn 1, xã H Thị xã S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Lê Trọng V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Anh Bùi Văn H và chị Trần Thị Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H và chị Q thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh H và chị Q là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, hòa giải đoàn tụ không thành, vì vậy công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh H và chị Q có 01 con chung là Bùi Trần Minh A, sinh ngày 01/9/2017. Anh Chị thống nhất: Chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, anh H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh H và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh H và chị Q thỏa thuận thống nhất: vợ chồng có khoản nợ chung như sau:

1. Nợ chị Lê Thị P số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 12%/năm, thời hạn thanh toán: 02 năm kể từ ngày 18/7/2018. Anh H và chị Q thống nhất: Anh H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh hàng tháng cho chị Lê Thị P.

2. Nợ anh Lê Trọng V số tiền: 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng), lãi suất 0,6%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 17/8/2018 đến 31/12/2019. Anh H và chị Q thống nhất: Anh H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) và lãi phát sinh hàng tháng cho anh Lê Trọng V.

Chị Lê Thị P và anh Lê Trọng V đều đồng ý với sự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ của vợ chồng anh H, chị Q.

[5] Về lệ phí: Anh H và chị Q thống nhất chị Q nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy thỏa thuận của anh chị là phù hợp, tự nguyện nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/8/2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Trần Thị Q.

- Về con chung: Anh H và chị Q có 01 con chung là Bùi Trần Minh A, sinh ngày 01/9/2017. Giao cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Trần Minh A, anh Bùi Văn H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9/2019 cho

đến khi cháu A tròn 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H và chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị Q có khoản nợ chung như sau:

+ Nợ chị Lê Thị P số tiền: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 12%/năm, thời hạn thanh toán: 02 năm kể từ ngày 18/7/2018. Anh H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh hàng tháng cho chị Lê Thị P.

+ Nợ anh Lê Trọng V số tiền: 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng), lãi suất 0,6%/tháng. Thời hạn vay từ ngày 17/8/2018 đến 31/12/2019. Anh H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) và lãi phát sinh hàng tháng cho anh Lê Trọng V.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Q phải nộp 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng Chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001687 ngày 19/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã C TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA huyện Quảng Xương;
- Đương sự;
- Lưu hs

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Hà